

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: **09/2021/HNGĐ - ST**

Ngày 08/9/2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Lã Văn Minh
2. Bà Nguyễn Thị Bắc

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Chung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/HNGĐ - ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXX- ST ngày 02 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/HNGGD-ST ngày 24/8/2021, giữa:

*** Nguyên đơn:** Anh Nông Văn Đ, sinh năm 1994; Có mặt
Địa chỉ cư trú: Thôn V, xã G, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Chị Hà Thị P sinh năm 1994; Vắng mặt không có lý do
Địa chỉ cư trú: Thôn V, xã G, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nông Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Hà Thị P vào ngày 14 tháng 2 năm 2017, trước khi cưới hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, hai gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện S. Cưới xong chị P về gia đình anh ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Vợ chồng không có mâu thuẫn gì, do từ tháng 08 năm 2019 chị P bảo đi làm công ty và cắt đứt liên lạc với anh từ đó cho đến nay, anh có nhiều lần đến nhà bố mẹ để hỏi về chị P thì bố mẹ chị P cũng không liên lạc được cho chị P, không biết chị P đang sống như thế nào.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị P được ly hôn nhau.

Về con chung: Chưa có.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Bị đơn chị Hà Thị P vắng mặt tại nơi cư trú; Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử giao cho gia đình chị P và niêm yết tại địa phương, ra thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, trung ương để chị P biết đến làm việc tại Tòa án nhưng chị P không đến nên Tòa án không thu thập được lời khai của chị P.

* Tại phiên toà anh Nông Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh và chị P được ly hôn nhau.

3. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định, bị đơn không chấp hành là vi phạm về nghĩa vụ.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nông Văn Đ và chị Hà Thị P được ly hôn nhau.

Về án phí: Anh Nông Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nông Văn Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Hà Thị P, chị P có nơi cư trú cuối cùng tại xã G, huyện S. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập, đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết hợp lệ các văn bản nhưng bị đơn chị Hà Thị P vắng mặt tại phiên tòa; vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai, tài liệu chứng cứ của nguyên đơn anh Nông Văn Đ cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định: Anh Nông Văn Đ kết hôn với chị Hà Thị P vào ngày 14/02/2017, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau và cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G số 09 ngày 14/02/2017; cưới xong chị P về gia đình anh Đở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc; xác nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị P là hợp pháp.

Quá trình chung sống anh Đ và chị P không có mâu thuẫn gì, nguyên nhân là từ tháng 8 năm 2019 chị P bảo anh Đ là đi làm công ty, nhưng từ đó cho đến nay chị P không trở về sinh sống cùng anh Đ và không liên lạc gì cho anh Đ. Hiện chị P không có mặt tại địa phương, anh Đ và gia đình chị P hiện đều không biết chị P đang sinh sống như thế nào, làm gì ở địa chỉ nào, gia đình chị P và anh Đ không liên lạc được cho chị P. Tòa án đã triệu tập, đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết hợp lệ các văn bản nhưng chị P không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Xét thấy, lời khai của anh Đ, lời khai của bố đẻ chị P và xác minh tại UBND xã G thì thấy: Chị P đã tự bỏ đi làm ăn, không có mặt tại gia đình nên vợ chồng đã không chung sống với nhau thời gian dài. Như vậy, chị P đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đ, cho anh Đ và chị P được ly hôn nhau theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chưa có

Về tài sản: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Nông Văn Đ là người dân tộc thiểu số thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhưng anh Đ không cung cấp được các giấy tờ để chứng minh và anh xin chịu án phí nên anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nông Văn Đ và chị Hà Thị P được ly hôn nhau.

[2] Về án phí: Anh Nông Văn Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; anh Đ được khấu trừ vào tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/007305, ngày 02 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Giáo Liêm;
- Lưu HS; VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn